

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 - CTQ)	4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 - CTQ)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 - CTQ)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B05 - CTQ)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 - CTQ)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép hoạt động	Số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 Số 01/UBCK-GP ngày 17 tháng 7 năm 2007 Số 14/UBCK-GPĐC ngày 29 tháng 4 năm 2008 Số 28/UBCK-GPĐC ngày 11 tháng 12 năm 2008 Số 38/UBCK-GP ngày 19 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 4103005204 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thanh Phương Chủ tịch Ông Nguyễn Khánh Linh Thành viên Ông Cung Trần Việt Thành viên Ông Phạm Gia Tuấn Thành viên Ông Nguyễn Hoàng Bảo Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013)
Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Khánh Linh
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Khánh Linh Tổng Giám đốc
Hoạt động chính	Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.
Trụ sở chính	Phòng 2, Lầu 19, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của các báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 38. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 6 tháng 3 năm 2014



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013 và được Tổng Giám đốc phê duyệt vào ngày 6 tháng 3 năm 2014. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 11 đến trang 38.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Ian S. Lydall
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0559-2013-006-1

Đặng Quốc Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0620-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM3897
TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B01 - CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		146.805.799.160	92.099.971.850
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		75.082.939.400	73.717.217.250
111	Tiền	5.1	3.082.939.400	627.217.250
112	Các khoản tương đương tiền	5.2	72.000.000.000	73.090.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		24.499.491.230	11.059.406.000
121	Đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(i)	29.073.719.580	14.223.722.490
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(ii)	(4.574.228.350)	(3.164.316.490)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		46.828.644.020	7.259.393.900
131	Phải thu khách hàng	5.4	37.806.297.610	4.838.986.710
132	Trả trước cho người bán		440.000.000	-
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.5	8.126.563.975	1.934.545.370
135	Các khoản phải thu khác	5.6	455.782.435	485.861.820
150	Tài sản ngắn hạn khác		394.724.510	63.954.700
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	5.7	394.724.510	63.954.700
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		35.708.618.530	64.940.888.426
220	Tài sản cố định		313.889.730	1.187.127.240
221	Tài sản cố định hữu hình	5.8(a)	45.054.120	1.059.130.410
222	Nguyên giá		1.588.298.210	4.347.367.470
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.543.244.090)	(3.288.237.060)
227	Tài sản cố định vô hình	5.8(b)	268.835.610	127.996.830
228	Nguyên giá		768.209.540	886.184.850
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(499.373.930)	(758.188.020)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		34.216.524.480	63.198.336.926
252	Đầu tư vào công ty liên kết	5.3(b)(i)	-	32.601.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác	5.3(b)(i)	34.412.500.000	34.412.500.000
259	Dự phòng giảm giá dài hạn khác	5.3(b)(ii)	(195.975.520)	(3.815.163.074)
260	Tài sản dài hạn khác		1.178.204.320	555.424.260
261	Chi phí trả trước dài hạn	5.9	205.681.360	-
268	Tài sản dài hạn khác	5.11	972.522.960	555.424.260
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		182.514.417.690	157.040.860.276

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B01 - CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		6.425.840.032	2.145.766.490
310	Nợ ngắn hạn		5.910.072.892	1.593.566.850
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.12	3.059.764.462	342.236.610
315	Phải trả người lao động		1.971.753.180	530.682.370
316	Chi phí phải trả	5.13	374.081.050	232.942.170
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		16.768.500	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
330	Nợ dài hạn		515.767.140	552.199.640
333	Phải trả dài hạn khác	5.14	205.767.140	242.199.640
359	Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	5.15	310.000.000	310.000.000
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		176.088.577.658	154.895.093.786
410	Nguồn vốn chủ sở hữu		176.088.577.658	154.895.093.786
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.16	150.000.000.000	150.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		1.391.500.000	1.391.500.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.697.077.658	3.503.593.786
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		182.514.417.690	157.040.860.276

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B01 - CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chi tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
		2013	2012
5	Ngoại tệ các loại		
5.1	Bảng Anh		
	Giá trị theo nguyên tệ	290	290
	Giá trị tương đương đồng Việt Nam	9.962.950	9.705.970
5.2	Won Hàn Quốc		
	Giá trị theo nguyên tệ	492.100	492.200
	Giá trị tương đương đồng Việt Nam	8.941.460	8.731.630
6	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	-	-
6.1	Chứng khoán giao dịch theo mệnh giá	3.600.010.000	2.997.700.000
7	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ theo mệnh giá	38.471.000.000	62.021.000.000



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 6 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B02 - CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày		
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ	
01	Doanh thu	5.17	18.479.866.580	22.823.745.020
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		18.479.866.580	22.823.745.020
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.18	(8.361.072.020)	(10.589.293.110)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		10.118.794.560	12.234.451.910
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.19	23.972.230.440	23.195.628.536
22	Chi phí tài chính	5.20	(605.819.700)	(18.941.072.600)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.21	(8.278.283.546)	(5.842.875.990)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.206.921.754	10.646.131.856
31	Thu nhập khác		227.405.640	348.418.000
32	Chi phí khác		(1.153.650)	-
40	Lợi nhuận khác		226.251.990	348.418.000
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.433.173.744	10.994.549.856
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.22	(4.239.689.872)	(1.905.612.460)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.10	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		21.193.483.872	9.088.937.396
70	Lãi trên cổ phiếu		1.413	606



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 6 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B03 - CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1 Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	12.287.847.975	22.658.197.860
2 Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(4.122.531.125)	(4.952.476.290)
3 Tiền chi trả cho người lao động	(10.211.115.670)	(10.416.820.448)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.739.916.180)	(1.580.000.000)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	227.405.640	4.204.946.370
7 Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(723.814.165)	(973.029.122)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.282.123.525)	8.940.818.370
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21 Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(233.259.995)	(318.978.920)
25 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(126.615.600.960)	(63.367.534.081)
26 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	125.944.833.280	64.836.318.871
27 Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.551.406.540	8.535.662.530
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	5.647.378.865	9.685.468.400
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
36 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(9.000.000.000)
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	(9.000.000.000)
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.365.255.340	9.626.286.770
60 Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	73.717.217.250	64.089.964.840
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	466.810	965.640
70 Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	75.082.939.400	73.717.217.250



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 6 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B05 - CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 1.1.2013 VND	Lợi nhuận trong năm VND	Cổ tức chia trong năm	Tại ngày 31.12.2013 VND
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.391.500.000	-	-	1.391.500.000
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.503.593.786	21.193.483.872	-	24.697.077.658
		<u>154.895.093.786</u>	<u>21.193.483.872</u>	<u>-</u>	<u>176.088.577.658</u>

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 1.1.2012 VND	Lợi nhuận trong năm VND	Cổ tức chia trong năm	Tại ngày 31.12.2012 VND
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.391.500.000	-	-	1.391.500.000
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.414.656.390	9.088.937.396	(9.000.000.000)	3.503.593.786
		<u>154.806.156.390</u>	<u>9.088.937.396</u>	<u>(9.000.000.000)</u>	<u>154.895.093.786</u>



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 6 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2006, giấy phép thành lập và hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 38/UBCK-GP ngày 19 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Trong năm 2013, Công ty quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt.

Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y Tế Bản Việt

Hoạt động chính	Quỹ thành viên dạng đóng
Giấy chứng nhận đăng ký	Số 08/TB-UBCK
Vốn góp của các thành viên	500.000.000.000 đồng
Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	589.578.084.644 đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 18 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 22 nhân viên). Trong đó, số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ là 6 người:

Nhân viên	Chức vụ	Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số	Ngày cấp
Nguyễn Khánh Linh	Tổng Giám đốc	000569/QLQ	01/02/2010
Cung Trần Việt	Giám đốc Phân tích	000537/QLQ	29/01/2010
Phạm Gia Tuấn	Giám đốc Điều Hành	000365/QLQ	13/07/2009
Nguyễn Xuân Giao	Giám đốc Đầu Tư	000907/QLQ	06/11/2013
Nguyễn Đông Hải	Trưởng phòng Quản lý Danh mục Đầu tư	000980/QLQ	04/07/2013
Phạm Viết Lan Anh	Trưởng phòng Đầu tư	000977/QLQ	04/07/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND").

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày thực hiện giao dịch. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ, Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty quản lý quỹ hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Các báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư

(a) Phân loại

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán là các khoản chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Đầu tư vào công ty con

Các công ty con là công ty mà trong đó Công ty trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền kiểm soát hoạt động

Các khoản đầu tư vào công ty con ban đầu được thể hiện theo giá thực tế mua. Dự phòng được lập khi công ty mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc.

Công ty liên kết là đơn vị chịu sự ảnh hưởng đáng kể của Công ty, nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh. Sự ảnh hưởng đáng kể là quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị nhưng không kiểm soát các chính sách đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tài chính riêng theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính, và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành.

(b) Ghi nhận/Chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Công ty cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển đi toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá mua và sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ dự phòng giảm giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Cổ phiếu thường và cổ tức trả bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0).

Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán này. Giá trị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ("HNX") và Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh ("HOSE") là giá kết thúc phiên giao dịch tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom"), thì giá thị trường của các chứng khoán đó được xác định bằng cách tham chiếu giá giao dịch bình quân tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Trong những trường hợp khác, Công ty sử dụng giá giao dịch bình quân do ít nhất 3 công ty chứng khoán cung cấp.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập khi cần thiết trên cơ sở xem xét và đánh giá lại giá trị của khoản đầu tư cuối mỗi năm tài chính.

Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là tiền thuê văn phòng trả trước và công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng	20%
Thiết bị văn phòng	33%
Phần mềm vi tính	33%

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.7 Vốn

Các cổ phiếu phổ thông của Công ty với quyền được nhận cổ tức được phân loại vào vốn chủ sở hữu. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 Việt Nam đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác

Phi quản lý và phí thường hoạt động được ghi nhận khi được hưởng theo Điều lệ Quỹ.

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt ("Quỹ"). Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ Quỹ này. Phí này được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của 2% giá trị tài sản ròng của mỗi Quỹ vào ngày cuối tháng.

Công ty được hưởng phí thường hoạt động từ Quỹ trên nếu (i) mức tăng tài sản ròng của năm vượt mức tăng tối thiểu là 12% và (ii) giá trị tài sản ròng năm đó cao nhất từ khi thành lập.

Trong trường hợp Công ty được hưởng phí thường hoạt động, thì số phí được tính là 20% của chênh lệch giữa phần tăng giá trị tài sản ròng trong năm và 12% của giá trị tài sản ròng năm trước.

(b) Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi/lỗ do kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác

Lãi/lỗ do thanh lý các khoản đầu tư được xác định là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được bán. Giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.9 Chi phí

Chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

4.10 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của Bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4.11 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.1 TIỀN

	<u>Tại ngày 31 tháng 12 năm</u>	
	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	39.985.010	24.190.030
Tiền gửi ngân hàng	3.042.954.390	603.027.220
	<u>3.082.939.400</u>	<u>627.217.250</u>

5.2 CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09- CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

(i) Đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2013		Tại ngày 31.12.2012	
	Số lượng	Nguyên giá VND	Số lượng	Nguyên giá VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết				
Công ty Cổ phần Sữa Việt nam ('VNM')	70.000	9.870.944.240	-	-
Công ty Cổ phần Container Việt Nam ('VSC')	-	-	93.800	3.724.596.045
Công ty Cổ phần Thiết Bị Y tế Việt Nhật ('JVC')	1	15.870	205.970	4.499.126.445
Công ty Cổ phần PT Đầu Tư Công Nghệ FPT ('FPT')	120.000	5.786.683.020	-	-
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công ('TCM')	30.000	618.426.250	-	-
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và lắp máy dầu khí ('PXS')	50.000	742.581.200	-	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam ('GAS')	90.000	6.055.069.000	-	-
		<u>23.073.719.580</u>		<u>8.223.722.490</u>

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết

Công ty Cổ phần E-Study School

	345.100	6.000.000.000	345.100	6.000.000.000
		<u>29.073.719.580</u>		<u>14.223.722.490</u>

Trong năm, biến động của nguyên giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2013 VND	Mua trong kỳ VND	Bán trong kỳ VND	Tại ngày 31.12.2013 VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	8.223.722.490	126.615.600.960	(111.765.603.870)	23.073.719.580
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
	<u>14.223.722.490</u>	<u>126.615.600.960</u>	<u>(111.765.603.870)</u>	<u>29.073.719.580</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09- CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2013		Tại ngày 31.12.2012	
	Số lượng	Dự phòng VND	Số lượng	Dự phòng VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết				
Công ty Cổ phần Sữa Việt nam ('VNM')	70.000	(420.944.240)	-	-
Công ty Cổ phần PT Đầu Tư Công Nghệ FPT ('FPT')	120.000	(134.683.020)	-	-
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công ('TCM')	30.000	(426.250)	-	-
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và lắp máy dầu khí ('PXS')	50.000	(7.581.200)	-	-
Công ty Cổ phần Container Việt Nam ('VSC')	-	-	93.800	(214.950.446)
Công ty Cổ phần Thiết Bị Y tế Việt Nhật ('JVC')	-	-	205.970	(572.916.044)
Tổng Công ty Khí Việt Nam ('GAS')	90.000	(70.069.000)	-	-
		(633.703.710)		(787.866.490)
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần E-Study School	345.100	(3.940.524.640)	345.100	(2.376.450.000)
		(4.574.228.350)		(3.164.316.490)

Trong năm, biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2013 VND	Dự phòng trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày 31.12.2013 VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	787.866.490	633.703.710	(787.866.490)	633.703.710
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết	2.376.450.000	1.564.074.640	-	3.940.524.640
	3.164.316.490	2.197.778.350	(787.866.490)	4.574.228.350

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09- CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn

(i) Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31.12.2013		Tại ngày 31.12.2012	
	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng
		Nguyên giá		Nguyên giá
		VND		VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada	-	-	20%	2.355.000
				32.601.000.000
Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu				
Công ty CP Dược Phẩm Năm Tôt	3%	52.000	3%	52.000
Công ty CP Gemadep Vũng Tàu	10%	960.000	10%	960.000
Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt	5%	1.890.000	5%	1.890.000
				28.120.000.000
- Đầu tư chứng chỉ quỹ				
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	1%	60	1%	60
				6.292.500.000
				34.412.500.000
				34.412.500.000

Trong năm, biến động nguyên giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Nguyên giá 1.1.2013 VND	Mua trong kỳ VND	Bán trong kỳ VND	Nguyên giá 31.12.2013 VND
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 7(a)(iv))	32.601.000.000	-	(32.601.000.000)	-
Đầu tư dài hạn khác	34.412.500.000	-	-	34.412.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09- CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	Tại ngày 31.12.2013		Tại ngày 31.12.2012	
	Số lượng	Dự phòng VND	Số lượng	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada	-	-	2.355.000	(3.508.751.270)
Đầu tư dài hạn khác				
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	52.000	(195.975.520)	60	(181.007.564)
Công ty CP Dược Phẩm Năm Tốt			52.000	(125.404.240)
		(195.975.520)		(306.411.804)
		(195.975.520)		(3.815.163.074)

Trong năm, biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2013 VND	Dự phòng Trong năm VND	Hoàn nhập Trong năm VND	Tại ngày 31.12.2013 VND
Đầu tư vào công ty liên kết	3.508.751.270	-	(3.508.751.270)	-
Đầu tư dài hạn khác	306.411.804	70.571.280	(181.007.564)	195.975.520
	3.815.163.074	70.571.280	(3.689.758.834)	195.975.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết (*)	1.306.297.610	-
Phải thu từ bán chứng khoán chưa niêm yết (**)	36.500.000.000	4.838.986.710
	<u>37.806.297.610</u>	<u>4.838.986.710</u>

(*) Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các chứng khoán được thanh toán sau ba (3) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, đây là khoản phải thu từ bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada. Khoản này sẽ được thanh toán trong năm 2014.

5.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(b))	996.260.757	1.934.545.370
Phải thu phí thưởng hoạt động (Thuyết minh 7(b))	7.130.303.218	-
	<u>8.126.563.975</u>	<u>1.934.545.370</u>

5.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	56.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	324.527.780	320.806.390
Phải thu người lao động	29.670.340	83.345.340
Phải thu khác	45.584.315	81.710.090
	<u>455.782.435</u>	<u>485.861.820</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản đặt cọc thuê văn phòng, các tài sản phân loại lại từ tài sản cố định theo thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 4 năm 2013 ("Thông tư 45/2013").

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp văn phòng VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	2.050.897.940	2.296.469.530	4.347.367.470
Phân loại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	-	(318.765.054)	(318.765.054)
Xóa sổ tài sản khấu hao hết	-	(389.406.266)	(389.406.266)
Xóa sổ tài sản không còn giá trị sử dụng	(2.050.897.940)	-	(2.050.897.940)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	1.588.298.210	1.588.298.210
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	(1.261.621.920)	(2.026.615.140)	(3.288.237.060)
Khấu hao trong kỳ	(410.179.560)	(121.852.917)	(532.032.477)
Phân loại sang chi phí trả trước (*)	-	215.817.701	215.817.701
Xóa sổ tài sản khấu hao hết	-	389.406.266	389.406.266
Xóa sổ tài sản không còn giá trị sử dụng	1.671.801.480	-	1.671.801.480
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	(1.543.244.090)	(1.543.244.090)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	789.276.020	269.854.390	1.059.130.410
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	45.054.120	45.054.120

(*) Đây là điều chỉnh để phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 3 năm theo Thông tư 45/2013.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.480.168.214 đồng (2012: 1.650.862.779 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Tên miền VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	300.000.000	586.184.850	886.184.850
Mua trong kỳ	-	233.259.995	233.259.995
Phân loại sang chi phí trả trước (*)	-	(15.580.310)	(15.580.310)
Xóa sổ tài sản khấu hao hết và không còn sử dụng	(300.000.000)	(35.654.995)	(335.654.995)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	768.209.540	768.209.540
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	(255.000.000)	(503.188.020)	(758.188.020)
Khấu hao trong kỳ	(45.000.000)	(43.958.924)	(88.958.924)
Phân loại lại sang chi phí trả trước (*)	-	12.118.019	12.118.019
Xóa sổ tài sản khấu hao hết và không còn sử dụng	300.000.000	35.654.995	335.654.995
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	(499.373.930)	(499.373.930)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	45.000.000	82.996.830	127.996.830
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	268.835.610	268.835.610

(*) Đây là điều chỉnh để phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 3 năm theo Thông tư 45/2013.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 471.684.537 đồng (2012: 471.684.537 đồng).

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí di dời hoàn trả mặt bằng, các tài sản phân loại lại từ tài sản cố định theo Thông tư 45/2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.10 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chuyển lỗ tính thuế tới chừng mực có khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau
Năm tài chính kết thúc 31.12.2011	Chưa quyết toán	<u>(2.345.021.890)</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh vì khả năng đạt được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là không cao.

5.11 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ thuê văn phòng.

5.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2013 VNĐ	Phát sinh VNĐ	Chi trả VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Thuế giá trị gia tăng	-	4.399.500	(1.658.200)	2.741.300
Thuế thu nhập cá nhân	216.624.150	1.330.577.280	(1.115.564.420)	431.637.010
Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của nhà đầu tư	-	33.000.000	(33.000.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Thuyết minh 5.22)	125.612.460	4.239.689.872	(1.739.916.180)	2.625.386.152
	<u>342.236.610</u>	<u>5.610.666.652</u>	<u>(2.893.138.800)</u>	<u>3.059.764.462</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm các khoản trích trước chi phí hoạt động và chi phí quản lý của Công ty.

5.14 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác là dự phòng trợ cấp thôi việc. Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

5.15 QUỸ DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

5.16 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại 31 ngày tháng 12 năm	
	2013	2012
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký/được cấp phép	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	15.000.000	15.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các cổ phiếu đều có cùng các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác. Mỗi cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ được quyền hưởng cổ tức khi Công ty công bố cổ tức và có một phiếu biểu quyết. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không phát hành cổ phiếu ưu đãi trong năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.16 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông	Vốn cổ phần VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	15.000.000	150.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	15.000.000	150.000.000.000

5.17 DOANH THU

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(a)(i))	11.349.563.362	22.823.745.020
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động (Thuyết minh 7(a)(i))	7.130.303.218	-
	18.479.866.580	22.823.745.020

5.18 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong năm là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Chi tiết chi phí hoạt động kinh doanh như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Chi phí nhân viên	6.177.889.590	6.817.500.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	347.134.631	443.837.340
Chi phí thuê văn phòng và bảo hiểm	783.423.310	1.599.087.290
Các chi phí khác	1.052.624.489	1.728.867.900
	8.361.072.020	10.589.293.110

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Lãi tiền gửi	4.459.127.930	6.036.809.430
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	15.151.360.010	1.411.799.510
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.152.000.000	1.753.030.600
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	2.209.275.690	13.993.023.356
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	466.810	965.640
	<u>23.972.230.440</u>	<u>23.195.628.536</u>

5.20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	605.819.700	18.941.072.600
	<u>605.819.700</u>	<u>18.941.072.600</u>

5.21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Chi phí nhân viên	5.474.296.890	3.446.079.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	273.856.770	255.483.500
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng	670.707.730	909.546.200
Chi phí kiểm toán và tư vấn	316.100.000	376.174.360
Chi phí khác	1.543.322.156	855.592.190
	<u>8.278.283.546</u>	<u>5.842.875.990</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.22 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013	31.12.2012
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.433.173.744	10.994.549.856
Thuế tính ở thuế suất hiện hành 20% (*)	5.086.634.749	2.198.909.971
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(430.400.000)	(350.606.120)
Lãi do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	(93.362)	(193.128)
Chi phí không được khấu trừ	52.552.863	9.061.807
Thuế hoãn lại từ lỗ tính thuế lũy kế không được ghi nhận	(469.004.378)	-
Thu nhập chịu thuế khác	-	48.439.930
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.239.689.872	1.905.612.460

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

(*) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và Công văn số 8167/BTC-TCT ngày 22 tháng 6 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Năm có lợi nhuận đầu tiên của công ty là năm 2006. Thuế suất áp dụng cho Công ty từ năm 2008 đến 2010 là 10%, từ 2011 đến 2015 là 20% và từ năm 2016 trở đi là 25%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Các hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác).

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho ban điều hành và Tổng Giám Đốc xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám đốc.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, phải thu từ cổ tức và phải thu hoạt động nghiệp vụ. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có đủ một lượng tiền và tương đương tiền nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tương đương tiền, chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và các khoản phải thu ngắn hạn. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Công ty vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Công ty thành tiền kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả như sau:

	Dưới 1 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	
Chi phí phải trả	374.081.050
	<hr/> <hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	
Chi phí phải trả	232.942.170
	<hr/> <hr/>

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (31.12.2012: 10%) trong khi tất cả các biến số khác, kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì Giá trị tài sản ròng của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 9.734.793.504 đồng (31.12.2012: 5.940.619.433 đồng) tương ứng.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch song phẳng ngang giá tại ngày định giá.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán. Đối với các chứng khoán mà thị trường không giao dịch thì giá trị hợp lý không xác định được.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.12.2013	31.12.2012	31.12.2013	31.12.2012
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Đầu tư tài chính ngắn hạn				
- Cổ phiếu niêm yết	22.440.015.870	7.435.856.000	22.440.018.300	7.435.856.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	2.059.475.360	3.623.550.000	Không xác định	Không xác định
Đầu tư tài chính dài hạn				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	29.092.248.730	Không xác định	Không xác định
- Đầu tư dài hạn khác	34.216.524.480	34.106.088.196	Không xác định	Không xác định
Các khoản phải thu	46.828.644.020	7.259.393.900	46.828.644.020	7.259.393.900
Tiền và tương đương tiền	75.082.939.400	73.717.217.250	75.082.939.400	73.717.217.250
Nợ tài chính phải trả				
Chi phí phải trả	374.081.050	232.942.170	374.081.050	232.942.170

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có liên quan đến các bên như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ
Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Bản Việt (*)	Quỹ do công ty quản lý
Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Y tế Bản Việt	Quỹ do công ty quản lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần PI Capital	
(trước đây là Công ty THHH Tư vấn V.C.A.M)	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

(*) Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt đã giải thể ngày 28 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
i) Doanh thu dịch vụ (Thuyết minh 5.17)		
Phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	-	12.688.409.240
Phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	11.349.563.362	10.135.335.780
Phí thường hoạt động từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	7.130.303.218	-
	<u>18.479.866.580</u>	<u>22.823.745.020</u>
ii) Mua dịch vụ		
Phí môi giới chứng khoán trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	<u>364.769.802</u>	<u>145.097.878</u>
iii) Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 5.3(b)(i))		
Công ty Cổ phần Trường Tiểu học – Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada	-	<u>32.601.000.000</u>
iv) Thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 5.3(b)(i))		
Công ty Cổ phần Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada	<u>32.601.000.000</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
v) Các khoản chi cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc		
Lương và các quyền lợi gộp khác	4.781.000.000	2.870.833.333
vi) Doanh thu hoạt động tài chính		
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	4.392.887.505	5.920.175.556
<p>Tổng số tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm 2013 của Công ty vào Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt là 373.260.000.000 đồng.</p>		
vii) Giao dịch khác		
Thu chi hộ các bên liên quan	265.929.830	35.163.750
Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần PI Capital (trước đây là Công ty TNHH Tư vấn V.C.A.M) cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	-	200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Công ty có các khoản đầu tư sau đây vào các bên liên quan:

	Tại ngày 31.12.2013		Tại ngày 31.12.2012	
	Số lượng %	Nguyên giá VNĐ	Số lượng %	Nguyên giá VNĐ
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (bằng cổ phiếu)	1.890.000	18.000.000.000	1.890.000	18.000.000.000
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	60	6.292.500.000	60	6.292.500.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada (bằng cổ phiếu)	-	-	2.355.000	32.601.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ (Thuyết minh 5.5)		
Phí quản lý phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	-	1.084.236.080
Phí quản lý phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	996.260.757	850.309.290
Phí thường hoạt động phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	7.130.303.218	-
Các số dư khác với các bên liên quan		
Tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	72.000.000.000	72.610.000.000
Lãi phải thu từ khoản tiền gửi tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	324.527.780	318.406.389
Tạm ứng cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	-	83.345.340
	<u>72.324.527.780</u>	<u>73.011.751.729</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Dưới 1 năm	-	694.219.680
Từ 1 đến 5 năm	-	115.703.280
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	-	809.922.960

9 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh trong các báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại và với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 6 tháng 3 năm 2014.



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng




Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc